

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2022

Vv “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Ngọc.

2. Bà Phan Thị Thanh Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Thức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trữ Thị Th, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Ông Trần Xuân S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trữ Thị Th trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Trần Xuân S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào năm 2016. Trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ông S là người đa nghi, đi ra ngoài nghe đồn đại là về chửi mắng, đánh đập bà. Hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Bà thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông S.

+ Về con chung: Có một con chung tên Trần Thiên Ph, sinh ngày 13/01/2017, từ trước đến nay ở với bà, nên bà yêu cầu được nuôi, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu tòa án giải

quyết.

- Bị đơn – ông Trần Xuân S trình bày:

+ Về hôn nhân: Về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn, con chung, ông đồng ý như phần trình bày của bà Th. Ông cho rằng vì điều kiện kinh tế khó khăn nên ông phải đi làm xa. Ở nhà, bà Th hay tụ tập ăn nhậu, khi ông có ý kiến thì gia đình bên vợ xúc phạm, thậm chí còn đánh đập ông. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

+ Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung là Trần Thiên Ph, sinh ngày 13/01/2017, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Th và ông S đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện S, tỉnh Bắc Giang vào năm 2016 nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Các đương sự cư trú tại xã T, huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập các đương sự đến hòa giải nhưng ông S cố tình vắng mặt nên các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bên đương sự. Ông S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, các đương sự phát sinh mâu thuẫn và hai người không tự khắc phục được nên dẫn đến việc bà Th yêu cầu ly hôn. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong chuyện tình cảm không còn tin tưởng, hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông S không đến, điều này chứng tỏ ông S đã bỏ mặc cuộc hôn nhân, không còn muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Hai đương sự có một con chung tên Trần Thiên Ph, sinh ngày 13/01/2017, hiện bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ trước đến nay bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để

đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Thiên Phúc cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà Th và ông S không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Trạ Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trạ Thị Th về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Trần Xuân S.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trạ Thị Th và ông Trần Xuân S;

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, đăng ký ngày 19/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tuấn Đạo, huyện S Động, tỉnh Bắc Giang, cấp cho bà Trạ Thị Th và ông Trần Xuân S hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung tên Trần Thiên Ph, sinh ngày 13/01/2017, giao cho bà Trạ Thị Th được trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Xuân S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà Trạ Thị Th và ông Trần Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trạ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0011120, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- THADS huyện Núi Thành;
- UBND xã Tam Trà;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thắng

Núi Thành, ngày 06 tháng 9 năm 2022.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phan Thị Thanh Dung.

2/ Ông Dương Minh Ngọc.

Tiến hành nghị án để giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trữ Thị Th, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Phú Tứ, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lê, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn Phú Tứ, xã Tam Trà, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án và thống nhất như sau:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trữ Thị Th về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với ông Trần Xuân S.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trữ Thị Th và ông Trần Xuân S;

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, đăng ký ngày 19/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tuấn Đạo, huyện S Động, tỉnh Bắc Giang, cấp cho bà Trữ Thị Th và ông Trần Xuân S hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có một con chung tên Trần Thiên Phúc, sinh ngày 13/01/2017, giao cho bà Trữ Thị Th được trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Xuân S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: Bà Trữ Thị Th và ông Trần Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

[2] Về án phí: Bà Trữ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0011120, ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Biên bản kết thúc vào hồi 9 giờ 00 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã tự đọc lại và thống nhất ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

